|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNGTP. HỒ CHÍ MINH**PHÒNG……** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: /BC-……………………*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020*

**BÁO CÁO
kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng**

 **/doanh nghiệp/chuyên gia về chất lượng đào tạo tại trường, năm học…….**

Kính gửi: Ban Giám hiệu;

 Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục.

     Căn cứ Kế hoạch số 648/KH-TĐHTPHCM ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Căn cứ kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia về chất lượng đào tạo tại trường, Phòng….. báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia như sau:

**I. Mục đích khảo sát**

     Thăm dò ý kiến nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia về chất lượng đào tạo tại trường nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tại Nhà trường;

**II. Quá trình thực hiện**

***1. Đối tượng và phạm vi khảo sát***

 – Các nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia đã tiếp nhận sinh viên của trường đào tạo về làm việc tại đơn vị;

***2. Phương pháp***

- Việc lấy ý kiến phản hồi nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia về chất lượng đào tạo tại trường được thực hiện bằng phiếu lấy ý kiến theo thang đo Likert (phần III) với 05 mức độ: 1. Rất không đồng ý, 2. Không đồng ý, 3. Phân vân, 4. Đồng ý, 5. Hoàn toàn đồng ý.

- Khảo sát ý kiên trực tuyến bằng Google Drive: <https://bom.to/gRuE8bgR>

***3. Thời gian khảo sát:*** từ……đến……

**III. Kết quả khảo sát**

***1. Số lượng đối tượng tham gia khảo sát của đơn vị***

- Số lượng đối tượng tham gia khảo sát:

- Số lượng phiếu khảo sát thu được:

- Số lượng phiếu khảo sát hợp lệ (không bỏ trống, không làm sót câu hỏi,…):

***2. Kết quả đánh giá theo các tiêu chí trong phiếu khảo sát***

*2.1. Các ngành mà nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia đã nhận sinh viên tốt nghiệp*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| 1 | Công nghệ Kỹ thuật Môi trường |  |
| 2 | Quản lý tài nguyên và Môi trường |  |
| 3 | Kỹ thuật cấp thoát nước |  |
| 4 | Quản lý đất đai |  |
| 5 | Khí tượng và Khí hậu học |  |
| 6 | Thủy văn học |  |
| 7 | Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững |  |
| 8 | Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ |  |
| 9 | Quản trị kinh doanh |  |
| 10 | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên |  |
| 11 | Hệ thống thông tin |  |
| 12 | Công nghệ thông tin |  |
| 13 | Địa chất học |  |
| 14 | Quản lý tài nguyên khoáng sản |  |
| 15 | Kỹ thuật Tài nguyên nước |  |
| 16 | Quản lý tổng hợp tài nguyên nước |  |
| 17 | Quản lý Tài nguyên và Môi trường Biển đảo |  |

*2.2. Hình thức nhận SV tốt nghiệp của Trường*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Hình thức** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| 1 | Trường/Khoa liên hệ với Doanh nghiệp  |  |
| 2 | Thông qua các phương tiện truyền thông |  |
| 3 | Có người quen trong Doanh nghiệp giới thiệu  |  |
| 4 | Thi tuyển SV thực tập |  |
| 5 | Khác: ……………………………………………. |  |

*2.3. Về quản trị và chiến lược của Trường*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Ông/Bà biết về tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường |  |  |  |  |  |
| Ông/Bà biết được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường thông qua hình thức |
| 2 | Brochure quảng cáo của Trường |  |  |  |  |  |
| 3 | Website của Trường |  |  |  |  |  |
| 4 | Thông qua các cuộc hội thảo do Trường/Khoa tổ chức |  |  |  |  |  |
| 5 | Tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường có đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Ông/Bà |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.4. Về quản trị và chiến lược của đơn vị đào tạo*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| Ông/Bà biết được tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thông qua hình thức: |
| 1 | * Brochure quảng cáo của Đơn vị đào tạo
 |  |  |  |  |  |
| 2 | * Website của Đơn vị đào tạo
 |  |  |  |  |  |
| 3 | * Thông qua các cuộc hội thảo do Đơn vị đào tạo tổ chức
 |  |  |  |  |  |
| 4 | * Thông qua khảo sát lấy ý kiến
 |  |  |  |  |  |
| 5 | * Hồ sơ xin việc (bảng điểm)
 |  |  |  |  |  |
| 6 | Ông/Bà tham gia góp ý, xây dựng tầm nhìn và sứ mạng của chương trình đào tạo |  |  |  |  |  |
| 7 | Ông/Bà tham gia xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo  |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.5. Về mục tiêu của chương trình đào tạo*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, giúp đạt được tầm nhìn, sứ mạng đã đặt ra |  |  |  |  |  |
| 2 | Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu giáo dục bậc Đại học |  |  |  |  |  |
| 3 | Mục tiêu của CTĐT phản ánh được nhu cầu của thị trường |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.6. Về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Chuẩn đầu ra phản ánh được các mục tiêu đào tạo |  |  |  |  |  |
| 2 |  Chuẩn đầu ra về kiến thức cơ sở và chuyên ngành đáp ứng nhu cầu thị trường lao động  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chuẩn đầu ra về kỹ năng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động |  |  |  |  |  |
| 4 | Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm của người học đáp ứng nhu cầu thị trường  |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.7. Về chương trình đào tạo*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| Ông/bà biết được chương trình đào tạo của trường thông qua |
| 1 | * Brochure quảng cáo của Đơn vị đào tạo
 |  |  |  |  |  |
| 2 | * Website của Đơn vị đào tạo
 |  |  |  |  |  |
| 3 | * Thông qua các cuộc hội thảo do Đơn vị đào tạo tổ chức
 |  |  |  |  |  |
| 4 | * Thông qua khảo sát lấy ý kiến
 |  |  |  |  |  |
| 5 | * Hồ sơ xin việc (bảng điểm)
 |  |  |  |  |  |
| 6 | Chương trình đào tạo mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên |  |  |  |  |  |
| 7 | Nội dung chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải |  |  |  |  |  |
| 8 | Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý |  |  |  |  |  |
| 9 | Quy trình xây dựng, phát triển và cải thiện chương trình đào tạo (các môn học) của nhà trường/khoa phù hợp  |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.8. Đánh giá về kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| *Kém* | *Yếu* | *TB* | *Khá* | *Tốt* |
| 1 | Kiến thức chuyên môn  |  |  |  |  |  |
| 2 | Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kỹ năng tư duy, nghiên cứu, sáng tạo  |  |  |  |  |  |
| 5 | Kỹ năng giao tiếp, ứng xử  |  |  |  |  |  |
| 6 | Kỹ năng giải quyết vấn đề |  |  |  |  |  |
| 7 | Kỹ năng làm việc nhóm |  |  |  |  |  |
| 8 | Ý thức tuân thủ các nội quy và quy định trong công việc |  |  |  |  |  |
| 9 | Tinh thần trách nhiệm trong công việc |  |  |  |  |  |
| 10 | Tinh thần ham học hỏi và cầu tiến trong công việc |  |  |  |  |  |
| 11 | Khả năng đáp ứng công việc theo yêu cầu |  |  |  |  |  |
| 12 | Khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa |  |  |  |  |  |
| 13 | Thái độ tôn trọng sự khác biệt |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

*2.9. Về đội ngũ giảng viên*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Hầu hết các giảng viên có kiến thức chuyên môn tốt |  |  |  |  |  |
| 2 | Hầu hết các giảng viên cập nhật nội dung giảng dạy mới, phù hợp với thực tiễn |  |  |  |  |  |

*2.10. Mục tiêu cấn bổ sung vào CTĐT để đáp ứng nhu cầu lao động tốt hơn*

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................

*2.11. Kiến thức cơ sở và chuyên môn thị trường lao động rất cần đối với người học*

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................

*2.12. Xếp hạng ưu tiên chọn lựa các yếu tố để tuyển dụng SV tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kỹ năng** | **Số lượng lựa chọn** | **Xếp hạng (thứ tự từ 1 đến theo số lượng lựa chọn từ nhiều đến ít)** |
| 1 | Thành thạo chuyên môn  |  |  |
| 2 | Thành thạo vi tính văn phòng cơ bản  |  |  |
| 3 | Thành thạo các phần mềm bắt buộc của chuyên |  |  |
| 4 | Thành thạo ngoại ngữ  |  |  |
| 5 | Kỹ năng giao tiếp  |  |  |
| 6 | Khả năng làm việc độc lập  |  |  |
| 7 | Làm việc nhóm  |  |  |
| 8 | Khả năng nghiên cứu, sáng tạo  |  |  |
| 9 | Khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc thử thách, thay đổi  |  |  |
| 10 | Truyền thông, lan tỏa  |  |  |
| 11 | Báo cáo  |  |  |
| 12 | Lãnh đạo |  |  |
| 13 | Khác: ………………. |  |  |

Đánh giá chung:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

*2.13. Mong đợi của nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia về thái độ của sinh viên*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thái độ** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| 1 | Đam mê công việc/chuyên môn  |  |
| 2 | Tác phong chuyên nghiệp  |  |
| 3 | Có ý thức cộng đồng cao  |  |
| 4 | Có lối sống lành mạnh  |  |
| 5 | Có ý thức học tập và rèn luyện  |  |
| 6 | Có tinh thần học hỏi suốt đời |  |
| 7 | Có nhiệt huyết phục vụ cộng đồng |  |
| 8 | Khác:………………………………………………………… |  |

*2.14. Các tiêu chí khác khi tuyển dụng SV tốt nghiệp của Trường*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

*2.15. Đánh giá về nhu cầu của thị trường lao động trong 1-3 năm tới đối với SV tốt nghiệp*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| *Tăng* | *Giảm* | *Không đổi* |
| 1 | Công nghệ Kỹ thuật Môi trường |  |  |  |
| 2 | Quản lý tài nguyên và Môi trường |  |  |  |
| 3 | Kỹ thuật cấp thoát nước |  |  |  |
| 4 | Quản lý đất đai |  |  |  |
| 5 | Khí tượng và Khí hậu học |  |  |  |
| 6 | Thủy văn học |  |  |  |
| 7 | Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững |  |  |  |
| 8 | Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ |  |  |  |
| 9 | Quản trị kinh doanh |  |  |  |
| 10 | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên |  |  |  |
| 11 | Hệ thống thông tin |  |  |  |
| 12 | Công nghệ thông tin |  |  |  |
| 13 | Địa chất học |  |  |  |
| 14 | Quản lý tài nguyên khoáng sản |  |  |  |
| 15 | Kỹ thuật Tài nguyên nước |  |  |  |
| 16 | Quản lý tổng hợp tài nguyên nước |  |  |  |
| 17 | Quản lý Tài nguyên và Môi trường Biển đảo |  |  |  |

*2.16. Đánh giá về chất lượng đào tạo của Nhà Trường so với yêu cầu của công việc thực tế/kỳ vọng của nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia (về kiến thức, thái độ và kỹ năng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đánh giá** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| 1 | Rất hài lòng |  |
| 2 | Hài lòng |  |
| 3 | Tạm hài lòng |  |
| 4 | Không hài lòng |  |

*2.17. Đánh giá về cơ hội việc làm của SV tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM so với các trường khác*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đánh giá** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| 1 | Cao |  |
| 2 | Trung bình |  |
| 3 | Thấp |  |

*2.18. Ý kiến đóng góp về giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội của Khoa/Trường*

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

*2.19. Mức độ hài lòng về sự hợp tác giữa nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia với nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đánh giá** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| 1 | Rất hài lòng |  |
| 2 | Hài lòng |  |
| 3 | Tạm hài lòng |  |
| 4 | Không hài lòng |  |

*2.20. Nhà tuyển dụng/doanh nghiệp/chuyên gia sẵn lòng tham gia hợp tác với nhà trường trong các hoạt động*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Hoạt động** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| 1 | Đào tạo  |  |
| 2 | Nghiên cứu khoa học |  |
| 3 | Hướng nghiệp  |  |
| 4 | Hội cựu sinh viên  |  |
| 5 | Tài trợ  |  |

*2.21. Mức độ hài lòng về hoạt động và hiệu quả của các cơ chế phản hồi ý kiến của Nhà trường hiện nay (đường dây nóng, hội chợ việc làm, giới thiệu ngành nghề….)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mức độ** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số phiếu khảo sát x 100)** |
| 1 | Rất hài lòng |  |
| 2 | Hài lòng |  |
| 3 | Tạm hài lòng |  |
| 4 | Không hài lòng |  |

***3. Phân tích nguyên nhân dẫn đến các tiêu chí có kết quả đánh giá tốt***

***4. Phân tích nguyên nhân dẫn đến các tiêu chí có kết quả đánh giá không tốt***

**IV. Kết luận, đề xuất**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**TP. PHÒNG………..**

 *(Ký và ghi rõ họ tên)*